

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2020

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Xanh, ông Trần Đình Đường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 22/5/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Ngh, sinh năm 1988. Có mặt.

Trú tại: Số nhà 46, đường H, xóm 15, xã Ngh, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ HKTT trước khi xuất cảnh: Xóm 15, xã Ngh, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: 3 Rue Jeanne Maillotte, 59800 Lille, France (Cộng hòa Pháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Ngh trình bày: Anh và chị Trần Thị Th kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngh, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 15, xã Ngh, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian kết hôn 07 năm, chị Th thường xuyên đi học và làm việc tại Hà Nội và Cộng hòa Pháp nên thời gian thực tế vợ chồng sống chung là khoảng 03 năm. Trong quá trình chung sống, quan hệ vợ chồng không được thuận hòa, liên tục xảy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã cố gắng tìm tiếng nói chung nhưng không thành. Tháng 9/2017, chị Th tiếp tục đi học thạc sỹ tại Cộng hòa Pháp. Trong thời gian đi học, chị Th có về nước hai lần. Học xong, chị Th quyết định ở lại Pháp làm việc,

không về Việt Nam sống với gia đình. Anh không đồng ý, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn được. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Th.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 31/8/2013 và cháu Nguyễn Bích Tr, sinh ngày 16/12/2015, hiện đang sống cùng với anh và do anh trực tiếp chăm sóc. Hàng tháng chị Th đều gửi tiền về nuôi con, mỗi tháng 8.000.000 đồng. Chị Th đã cấp dưỡng nuôi con đến tháng 4/2020. Ly hôn, anh Ngh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 8.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 5/2020 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Trần Thị Th vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có văn bản trình bày ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Chị đã biết được việc anh Nguyễn Xuân Ngh làm đơn xin ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Chị thừa nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh Ngh trình bày. Tháng 9/2017, chị sang Pháp học thạc sỹ. Sau khi tốt nghiệp chị muốn làm việc ở Pháp nhưng anh Ngh không đồng ý, dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không tốt đẹp lại trở nên không thể hàn gắn được. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay, anh Ngh làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị thừa nhận vợ chồng có 02 con chung như anh Ngh trình bày. Trong thời gian chị học tập và làm việc ở nước ngoài, các con đều sống với anh Ngh và do anh Ngh chăm sóc; chị có gửi tiền về cho anh Ngh nuôi các con mỗi tháng 8.000.000 đồng. Ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh Ngh nuôi dưỡng và chị sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 8.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, chị đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Pháp không có điều kiện về Việt Nam giải quyết việc vụ án nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Mọi quyết định, giấy tờ của vụ án, chị đề nghị Tòa án giao cho ông Trần Xuân H là bố đẻ của chị nhận và thông tin cho chị biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Th hiện đang ở nước ngoài không thể về nước để hòa giải và trực tiếp tham gia phiên tòa được nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Xuân Ngh và đề nghị Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho chị qua bố để chị là ông Trần Xuân H nhận và thông tin cho chị; đề nghị Toà án không hòa giải. Văn bản trình bày ý kiến của chị Trần Thị Th gửi cho Tòa án được Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp và ông Trần Xuân H là bố đẻ chị Th xác nhận. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Th đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Th.

[2]. Về nội dung: Anh Nguyễn Xuân Ngh và chị Trần Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống với nhau không nhiều, do chị Th thường xuyên đi học và làm việc tại Hà Nội và Cộng hòa Pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; sau khi học thạc sỹ, chị Th quyết định ở lại Pháp không về Việt Nam. Vợ chồng sinh sống mỗi người một nơi nên không có điều kiện hòa giải, hàn gắn tình cảm. Nay, anh Ngh và chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh Ngh và chị Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Xuân Ngh được ly hôn với chị Trần Thị Th.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Xuân Ngh và chị Trần Thị Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 31/8/2013 và cháu Nguyễn Bích Tr, sinh ngày 16/12/2015, hiện đang do anh Ngh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ngh và chị Th đều có ý kiến giao con chung cho anh Ngh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh Ngh mỗi tháng 8.000.000 đồng. Xét thấy, hiện nay chị Th đang ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nên thỏa thuận của anh Ngh và chị Th về việc giao con chung cho anh Ngh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh Ngh mỗi tháng 8.000.000 đồng (mỗi con 4.000.000 đồng/tháng) kể từ tháng 5/2020 đến khi các con đủ tuổi trưởng thành và có quyền, nghĩa vụ đi lại, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Xuân Ngh và chị Trần Thị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Xuân Ngh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật và tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 477; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Xuân Ngh và chị Trần Thị Th được ly hôn.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 31/8/2013 và cháu Nguyễn Bích Tr, sinh ngày 16/12/2015 cho anh Nguyễn Xuân Ngh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Trần Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 8.000.000 đồng/tháng (mỗi con 4.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Trần Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Xuân Ngh và chị Trần Thị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Xuân Ngh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp tại Cục thi hành án tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0003120 ngày 16/12/2019. Anh Ngh còn phải nộp tiếp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Xuân Ngh có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Th

đang cư trú tại nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Ngh, tp. Vinh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Từ